

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**  
**KHU VỰC 2 – ĐÀ NẴNG**  
Bản án số: **266 /2026/HNGĐ-ST**  
Ngày 08.5.2026

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương**  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đích** và bà **Vũ Thị Lệ Thủy**  
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Lan** - Thư ký Tòa  
án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.  
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:  
Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10  
năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án  
ra xét xử số 278/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026, Quyết định  
hoãn phiên tòa số 62/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2026:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thu A**, sinh năm: 2002.

Nơi ĐKKHKT: Số B L, phường T, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ liên hệ: **K172**  
**N**, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Thái Hà Đ**, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: **K N**, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và  
tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà **Võ Thị Thu A** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Võ Thị Thu A** và ông **Thái Hà Đ** kết hôn ngày  
27/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Nay là phường  
**T**, tỉnh Khánh Hòa).

Theo bà **Võ Thị Thu A** trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu  
năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng  
quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Có lẽ do cả hai còn trẻ, kinh nghiệm  
sống chưa nhiều nên cả hai đã không biết cách gìn giữ vun đắp cho hạnh phúc gia  
đình. Thay vì lắng nghe và thấu hiểu, vợ chồng dần trở nên xa cách, không còn  
quan tâm và chia sẻ với nhau như trước. Theo trình bày của bà **A**, ông **Đ** không có  
trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, thường xuyên bỏ đi rồi lại quay về hàn gắn.  
Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống

ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Nay xét về tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà **A** được ly hôn với ông **Đ**.

- Về quan hệ con chung: Bà **Võ Thị Thu A** xác định bà và ông **Thái Hà Đ** có 01 con chung là **Thái Hà A**, sinh ngày 07/12/2023. Ly hôn, bà **A** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Thái Hà A** cho đến khi con **Thái Hà A** đủ 18 tuổi, tại đơn khởi kiện bà **A** yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà **A** thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông **Thái Hà Đ** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Võ Thị Thu A** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

\* **Bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng ông Thái Hà Đ** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

\* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đà Nẵng:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng; bị đơn không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- **Về nội dung vụ án:**

+ Về hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà **Võ Thị Thu A** và ông **Thái Hà Đ** không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà **A** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Thu A**.

+ Về con chung: Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD đề nghị giao con chung **Thái Hà A**, sinh ngày 07/12/2023 cho bà **Võ Thị Thu A** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng tính từ ngày tuyên án đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

## [1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung của bà **Võ Thị Thu A** đối với ông **Thái Hà Đ** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Thu A** thì thấy:

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Võ Thị Thu A** và ông **Thái Hà Đ** kết hôn năm 2023 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **V**, thành phố **N**, tỉnh **Khánh Hòa** cũ (Nay là phường **T**, tỉnh **Khánh Hòa**). Giấy đăng ký kết hôn số 45 ngày 27/06/2023. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Theo bà **Võ Thị Thu A** trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Có lẽ do cả hai còn trẻ, kinh nghiệm sống chưa nhiều nên cả hai đã không biết cách gìn giữ vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Thay vì lắng nghe và thấu hiểu, vợ chồng dần trở nên xa cách, không còn quan tâm và chia sẻ với nhau như trước. Theo trình bày của bà **A**, ông **Đ** không có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, thường xuyên bỏ đi rồi lại quay về hàn gắn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Nay xét về tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà **A** được ly hôn với ông **Đ**.

Theo xác minh tại UBND phường **A**, thành phố Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà **A** và ông **Đ** có mâu thuẫn, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ, chỉ biết hiện nay bà **A** và ông **Đ** không còn sống chung với nhau.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông **Thái Hà Đ** không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng. Điều này thể hiện ông **Đ** không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà **A** và ông **Đ** đã không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà **A**

yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]. Về quan hệ con chung:** Bà **Võ Thị Thu A** xác định bà và ông **Thái Hà Đ** có 01 con chung là **Thái Hà A**, sinh ngày 07/12/2023. Ly hôn bà **A** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con là **Thái Hà An N** cho đến khi con **Thái Hà A** đủ 18 tuổi, tại đơn khởi kiện bà **A** yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà **Võ Thị Thu A** thay đổi yêu cầu cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/ tháng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay con **chung T** chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho bà **A** nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật HNGĐ năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy bà **A** yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng từ ngày tuyên án cho đến khi con trưởng thành là phù hợp với quyền lợi và sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

**[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:** Bà **A** khai nhận không có nên không xét.

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

**[2.4] Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà **A** phải nộp, án phí cấp dưỡng 300.000 đồng ông **Đ** phải nộp.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Các Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà **Võ Thị Thu A** đối với ông **Thái Hà Đ**.

Tuyên xử: Bà **Võ Thị Thu A**, sinh năm 2002 được ly hôn với ông **Thái Hà Đ**, sinh năm 2001.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2023 ngày 27 tháng 06 năm 2023 của UBND xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Tuyên: Giao con chung Thái Hà A - sinh ngày 07/12/2023 cho bà Võ Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: ông Thái Hà Đ phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung Thái Hà A đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà A phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003897 ngày 16.10.2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự Thi hành án dân sự Thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng, bà A đã nộp đủ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng ông Thái Hà Đ phải chịu là 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Linh Phương**



